

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2019

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Thảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng

2. Ông Trần Văn Hải

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Vũ Hải- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình – ly hôn, nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 188/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Văn H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số A, đường số B, tổ C, khu phố D, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Lê Thị Kim C, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số E, đường H, tổ G, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 6 năm 2019 của nguyên đơn Lê Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị C sống chung từ năm 1992, không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2009. Năm 2010, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2016 thì không còn sống chung với nhau.

Trong thời gian sống xa nhau vợ chồng không có hàn gắn tình cảm. Nay anh H yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Kim C.

Về con chung: Anh và chị C có 04 con chung, gồm: Lê Thị Hải V, sinh ngày 09/11/1994; Lê Thị Hải Y, sinh ngày 08/10/1997; Lê Hải V, sinh ngày 11/8/2001; Lê Hải Q, sinh ngày 27/4/2004.

Hiện nay, 03 con chung Lê Thị Hải V và Lê Thị Hải Y, Lê Hải V đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Lê Hải Q đang sống chung với chị C. Sau khi ly hôn, anh H đồng ý để chị C tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Hải Q và anh H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, anh không có yêu cầu gì khác và cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Bị đơn chị Lê Thị Kim C trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh H về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H chung sống từ năm 1992, không có đăng ký kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến năm 2010 thì xảy ra mâu thuẫn, đến năm 2016 thì không còn sống chung đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 04 con chung gồm Lê Thị Hải V, sinh ngày 09/11/1994; Lê Thị Hải Y, sinh ngày 08/10/1997; Lê Hải V, sinh ngày 11/8/2001; Lê Hải Q, sinh ngày 27/4/2004.

Hiện 03 con chung Lê Thị Hải V, Lê Thị Hải Y, Lê Hải V đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Con chung Lê Hải Q hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung Lê Hải Q, sinh ngày 27/4/2004. Chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác và cũng không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định nguyên đơn anh Lê Văn H yêu cầu được ly hôn và yêu cầu về con chung với chị Lê Thị Kim C, như vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hôn nhân gia đình - ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn chị Lê Thị Kim C có địa chỉ tại Số E, đường H, tổ G, ấp H, xã H, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn H và chị Lê Thị Kim C chung sống với nhau từ năm 1992 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Như vậy, theo quy định pháp luật thì hôn nhân giữa anh H và chị C không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và 16 của Luật này”. Do đó, mặc dù anh H và chị C thống nhất thuận tình ly hôn với nhau nhưng không thể ghi nhận mà Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ giữa anh Lê Văn H và chị Lê Thị Kim C là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Anh Lê Văn H và chị Lê Thị Kim C thống nhất, tự xác

định anh chị có 04 con chung gồm Lê Thị Hải V, sinh ngày 09/11/1994; Lê Thị Hải Y, sinh ngày 08/10/1997; Lê Hải V, sinh ngày 11/8/2001; Lê Hải Q, sinh ngày 27/4/2004.

Con chung Lê Thị Hải V, Lê Thị Hải Y, Lê Hải V đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với con chung Lê Hải Q, sinh ngày 27/4/2004, hiện đang sống chung với chị C. Anh H và chị C thống nhất giao con chung Lê Hải Q cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Đồng thời, trong văn bản trình bày ý kiến thì Lê Hải Q cũng có nguyện vọng muốn sống chung với chị C. Xét việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh H và chị C thống nhất không có tài sản chung, không có nợ chung và không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Lê Văn H và chị Lê Thị Kim C là vợ chồng.

- Về con chung: Lê Thị Hải V, sinh ngày 09/11/1994; Lê Thị Hải Y, sinh ngày 08/10/1997; Lê Hải V, sinh ngày 11/8/2001. Hiện đã trưởng thành, anh H và chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Công nhận sự thỏa thuận của anh H và chị C, giao con chung Lê Hải Q, sinh ngày 27/4/2004, cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng. Anh H không tự nguyện

cấp dưỡng nuôi con chung, chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không được quyền nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp người không được quyền nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người được quyền nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không được quyền nuôi con chung.

Người được quyền nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không được quyền nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lê Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009095 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Anh Lê Văn H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND TPCL;
- TAND Tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Thị Thanh Thảo